

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch hỗ trợ huyện Tri Tôn tỉnh An Giang thoát khỏi
tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-TTg ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí xác định huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 218/TTr-SLĐTBXH ngày 30 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hỗ trợ huyện Tri Tôn tỉnh An Giang thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 1 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh (Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và nội dung của Kế hoạch này tổ chức triển khai thực hiện; báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện Tri Tôn;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Website Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Phước

KẾ HOẠCH

Hỗ trợ huyện Tri Tôn tỉnh An Giang thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025

(kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/02/2023)

Thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xây dựng Kế hoạch hỗ trợ huyện Tri Tôn tỉnh An Giang thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản (*việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin*), nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phân đầu đến cuối năm 2025 huyện Tri Tôn tỉnh An Giang thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

- Phân đầu đạt tỷ lệ nghèo đa chiều (*gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều*) giảm từ 3 - 4%/năm, quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều cuối kỳ giảm ít nhất 60% so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

- Đến năm 2025, thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo phân đầu tăng 1,8 lần so với năm 2020.

II. PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (*thuộc danh sách huyện nghèo theo Quyết định 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*).

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến năm 2025.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ

1. Nội dung hỗ trợ trực tiếp

Thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 1: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*theo Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ*).

Nội dung: Hỗ trợ đầu tư trọng tâm, trọng điểm và duy tu, bảo dưỡng một số công trình giao thông liên xã phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa nhằm tạo sự đột phá, tạo động lực phát triển, tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân.

Căn cứ quy định tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ và dự kiến nguồn vốn hỗ trợ, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang lựa chọn 04 công trình giao thông đầu tư trọng tâm, trọng điểm nhằm tạo sự đột phá, tạo động lực phát triển cho địa bàn nghèo, khó khăn, góp phần nâng cao thu nhập của người dân; tránh đầu tư manh mún, dàn trải, cụ thể:

1.1. Nâng cấp, mở rộng đường liên xã nối dài xã Núi Tô - Thị trấn Tri Tôn

- Sự cần thiết: Để đảm bảo tính kết nối, hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông giữa xã Núi Tô (xã đặc biệt khó khăn) với thị trấn Tri Tôn (trung tâm hành chính huyện) góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân trên địa bàn huyện.

- Quy mô đầu tư: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chiều dài 5.240m, mặt đường 7m.

- Thiết kế: Dự án đầu tư xây dựng nhóm C.

1.2. Bê tông xi măng đường nhánh liên xã, xã Tà Đảnh – xã Tân Tuyên

- Sự cần thiết: Để đảm bảo tính kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản liên xã, giữa xã với huyện.

- Quy mô đầu tư: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chiều dài 5.925m, mặt đường 6m.

- Thiết kế: Dự án đầu tư xây dựng nhóm C.

1.3. Đường liên xã cặp kênh Tám ngàn (xã Lương Phi - xã Châu Lăng - thị trấn Tri Tôn)

- Sự cần thiết: Để đảm bảo tính kết nối về giao thông của 02 xã với trung tâm hành chính huyện, góp phần phát triển kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

- Quy mô đầu tư: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chiều dài 5.800m, mặt đường 7m - 9m.

- Thiết kế: Dự án đầu tư xây dựng nhóm C.

1.4. Bê tông xi măng đường liên xã TL 943 xã Tân Tuyên - xã Tà Đảnh

- Sự cần thiết: hoàn thiện kết nối về giao thông, kinh tế, xã hội để hỗ trợ phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là về giao thông.

- Quy mô đầu tư: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường chiều dài 6.220m, mặt đường 6m.

- Thiết kế: Dự án đầu tư xây dựng nhóm C.

(Đính kèm danh mục các công trình)

2. Nội dung hỗ trợ ưu tiên lồng ghép

Trên cơ sở kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 Dự án 1 thuộc Chương trình được Trung ương hỗ trợ và nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh và với kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 Dự án 1 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh thực hiện đầu tư đồng bộ các công trình trên địa bàn huyện nghèo (huyện Tri Tôn). Sau khi thực hiện hoàn thành các danh mục công trình đầu tư nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông nhằm liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện nghèo để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn đến cuối năm 2025 theo kế hoạch đề ra.

IV. NGUỒN VỐN VÀ CƠ CHẾ HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN

Tổng nguồn vốn thực hiện Kế hoạch (Tiểu dự án 2 - Dự án 1) giai đoạn 2022 - 2025 là 100.748 triệu đồng, trong đó:

1. Vốn ngân sách Trung ương: 87.954 triệu đồng (gồm: vốn đầu tư phát triển: 79.958 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 7.996 triệu đồng).

2. Vốn ngân sách tỉnh (đối ứng 10%): 8.796 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 7.996 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 800 triệu đồng).

3. Vốn khác (ngân sách huyện, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác): 3.998 triệu đồng.

Thời gian thực hiện: Dự kiến thực hiện trong 2 năm 2023 - 2024 (trong đó: 70% năm 2023 và 30% năm 2024).

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Kết quả đạt được nhằm hoàn thiện hệ thống hạ tầng kết nối giao thông liên xã trên địa bàn huyện phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, tạo động lực phát triển, tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân.

Dự kiến hiệu quả của công trình: Tạo sự đột phá, thúc đẩy hiệu quả phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế và nâng cao thu nhập cho người dân.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, vận động

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về nội dung thực hiện Chương trình, ưu tiên tập trung, lồng ghép các nguồn lực hỗ trợ huyện nghèo phấn đấu hoàn thành mục tiêu thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện nghèo.

- Đầu mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp uỷ, chính quyền, nhất là người đứng đầu các cấp, các ngành trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Phát huy ý chí, khát vọng vươn lên của người dân nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững.

2. Ưu tiên lồng ghép triển khai các dự án giảm nghèo nhằm tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân

- Triển khai các dự án giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo theo các mô hình tổ chức sản xuất (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư) phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương.

- Các dự án giảm nghèo cần chú trọng gắn với nhu cầu thị trường, phát huy lợi thế địa phương, sản xuất sản phẩm đặc sản của địa phương và có lộ trình xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động phải gắn với doanh nghiệp, thị trường lao động và giải quyết việc làm bền vững.

- Hỗ trợ kết nối việc làm thành công cho người lao động có nhu cầu.

3. Huy động nguồn lực

- Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, người dân và cộng đồng tham gia đóng góp bằng tiền, tài sản, hiện vật hoặc ngày công lao động theo nguyên tắc tự nguyện.

- Khuyến khích địa phương áp dụng hình thức việc làm công để tạo điều kiện cho người dân có thêm thu nhập khi tham gia thi công công trình trên địa bàn huyện nghèo.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan và huyện Tri Tôn xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn huyện Tri Tôn tổ chức thực hiện theo quy định.

- Phối hợp với huyện Tri Tôn xây dựng phương án phân bổ cụ thể nguồn vốn ngân sách trung ương, nguồn ngân sách địa phương thực hiện Quyết định này; gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan lồng ghép nguồn vốn ngân sách nhà nước của các chương trình mục tiêu quốc gia; chương trình, dự án khác (bao gồm cả nguồn vốn ODA) và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện (nếu có).

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, cân đối đảm bảo nguồn kinh phí đối ứng (vốn sự nghiệp) hằng năm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Các sở, ban ngành tỉnh khác có liên quan

Các sở, ban ngành tỉnh căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo, hướng dẫn địa phương tập trung lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án thực hiện trên địa bàn huyện nghèo để thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng phương án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển đảm bảo không trùng lặp, chặt chẽ, đúng quy định và hiệu quả.

- Chịu trách nhiệm về việc xây dựng các danh mục công trình đầu tư trên địa bàn; sử dụng các nguồn vốn đúng theo quy định, không sử dụng cho các mục tiêu khác; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực triển khai các dự án giảm nghèo nhằm phát huy hiệu quả của công trình được đầu tư trên địa bàn huyện nghèo.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện các nội dung của Quyết định này; tăng cường các hoạt động giám sát việc thực hiện./.

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương thực hiện

Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.

Tiểu dự án 2: Triển khai đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn

giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

(kèm theo Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (m)	Thời gian KC-HT	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023			Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2024					Chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (NST+NST)	Trong đó:		Ngân sách huyện	Tổng số (NST+NST)	Trong đó:		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (NST+NST)	Trong đó:		Ngân sách huyện		
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh			
1	2	3	4	5	6=(7+10)	7=(8+9)	8	9	10	11=(12+13)	12	13	14=(15+18	15=(16+17)	16	17	18	19	20
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội huyện nghèo.																		
	Tiểu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt				91,952	87,954	79,958	7,996	3,99	61,568	55,971	5,597	30,384	26,386	23,987	2,39	3,998		
1	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã nối dài xã Núi Tô - thị trấn Tri Tôn	xã Núi Tô - thị trấn Tri Tôn	5.240m	2023-2024	21,640	20,699	18,817	1,882	941	14,393	13,084	1,309	7,247	6,306	5,733	573	941	Ban QLDA ĐT XD khu vực huyện Tri Tôn	
2	Bê tông xi măng đường liên xã kênh ranh xã Vĩnh An - xã Tà Đanh	ranh xã Vĩnh An - xã Tà Đanh	5.925m	2023-2024	20,973	20,061	18,237	1,824	912	14,391	13,083	1,308	6,582	5,670	5,154	516	912	Ban QLDA ĐT XD khu vực huyện Tri Tôn	
3	Đường liên xã cấp kênh Tám ngàn (xã Lương Phi-xã Châu Lăng- thị trấn Tri Tôn)	xã Lương Phi - xã Châu Lăng thị trấn Tri Tôn	5.800m	2023-2024	27,373	26,183	23,803	2,380	1,190	18,392	16,720	1,672	8,981	7,791	7,083	708	1,190	Ban QLDA ĐT XD khu vực huyện Tri Tôn	
4	Bê tông xi măng đường liên xã từ TL 943 xã Tân Tuyền - xã Tà Đanh	xã Tân Tuyền - xã Tà Đanh	6.220m	2023-2024	21,966	21,011	19,101	1,910	955	14,392	13,084	1,308	7,574	6,619	6,017	602	955	Ban QLDA ĐT XD khu vực huyện Tri Tôn	